

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-12-2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Quang

Ông Dương Mạnh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Bích Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Th, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Hiện sinh sống tại: Đài Loan.

- Bị đơn: Anh Trần Kim H, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: Xóm Th, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh H; vắng mặt chị Th (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Kim H tự nguyện tìm hiểu, tự

nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 11 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mỹ Lộc (nay là thành phố N), tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, khác biệt lối sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải, hàn gắn nhưng không thành. Đến năm 2016 chị Th xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh H sinh sống tại Việt Nam, từ đó vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nên làm đơn xin ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 07/10/2015, hiện cháu L đang sinh sống cùng anh H. Do chị đang lao động ở nước ngoài không có điều kiện nuôi con nên chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác liên quan: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Tại đơn đề nghị ngày 28/10/2024 bị đơn anh Trần Kim H trình bày:

- Anh và chị Trần Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 11 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mỹ Lộc (nay là thành phố N), tỉnh Nam Định. Vợ chồng anh chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Th bỏ đi từ đó đến nay không về. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ khi chị Th bỏ đi thì vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Anh xác định vợ chồng đã mâu thuẫn từ lâu, không còn tình cảm với nhau nhưng anh muốn gặp mặt chị Th để nói chuyện rõ ràng.

- Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 07/10/2015, hiện cháu L đang sinh sống cùng anh. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Phương L. Anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, trường hợp chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con anh cũng không đồng ý.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh không có yêu cầu, đề nghị gì.

* Tại đơn trình bày ngày 06/12/2024, cháu Trần Phương L trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được sống cùng bố vì từ nhỏ đến giờ cháu ở với bố, được bố chăm sóc, nuôi dưỡng, cho ăn học đầy đủ.

* Tại phiên tòa anh Trần Kim H trình bày: Anh xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn chị Th.

Về con chung: Anh đề nghị giao cháu Trần Phương L cho chị Th nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Trần Kim H. Giao con chung cháu Trần Phương L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập được.

Án phí chị Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Trần Kim H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mỹ Lộc (nay là thành phố N), tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2016 chị Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh H sinh sống ở Việt Nam, từ đó vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn; anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị Th và anh H đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Th và anh H có 01 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 07/10/2015, hiện đang sinh sống cùng anh H. Xét thấy chị Th đang lao động ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi con; cháu L từ nhỏ đến nay sinh sống cùng anh H và có nguyện vọng tiếp tục ở với bố; anh H hiện nay sinh sống ở Việt Nam và có điều kiện nuôi con. Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh sống hiện tại và nguyện vọng của con chung, cần giao cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh H không yêu cầu nhưng chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, xét mức cấp dưỡng của chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác liên quan: Chị Th và anh H đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Trần Kim H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phương L, sinh ngày 07/10/2015 cho anh Trần Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đồng kể từ tháng 12 năm 2024 cho đến khi cháu L đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0005820 ngày 15/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị Trần Thị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Anh H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng